

Số: /2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách
địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội
tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15
ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số
64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải
quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật
Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của
Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài
chính Hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng
Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg
ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của
Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài
chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy
thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và
các đối tượng chính sách khác; được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số
84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Quy định mức cho vay, thời hạn
cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách
khác từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm ủy thác qua Chi

nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng 3 năm 2026.
2. Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Ngân hàng Nhà nước (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu

1. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh bổ sung hàng năm theo khả năng cân đối.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay của các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác, được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 5 Điều 10 Quy chế này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lai Châu.

2. Hợp đồng ủy thác gồm những nội dung chính như sau: Thông tin của bên ủy thác, thông tin bên nhận ủy thác, nội dung công việc ủy thác, tổng giá trị ủy thác, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác, hiệu lực Hợp đồng và các nội dung cần thiết khác liên quan.

Điều 4. Lập, phân bổ và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh hàng năm bố trí, bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

1. Lập dự toán

a) Căn cứ mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, mục tiêu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hàng năm và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính.

b) Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh báo cáo tình hình thực hiện cho vay 06 tháng đầu năm, dự kiến cả năm và xây dựng dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách địa phương, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Phân bổ nguồn vốn ủy thác

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ nguồn vốn vay cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, chi tiết theo đối tượng vay, chương trình vay.

3. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm

Hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng được vay vốn, mục đích sử dụng vốn, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 108/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 6. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Thẩm quyền gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xem xét, quyết định gia hạn nợ theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ, phù hợp với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

3. Định kỳ 06 tháng, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình gia hạn nợ trong báo cáo quản lý sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác gửi Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

Điều 7. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác vào thu nhập của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh để xử lý.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh nhận ủy thác từ ngân sách cấp tỉnh. Mức trích 10% số tiền lãi thu được, trong đó: 5% cho công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, thanh tra, kiểm tra giám sát, hội họp, chi hội nghị sơ kết, tổng kết....; 5% dành cho công tác thi đua khen thưởng; giao cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và chi theo quy định tại khoản 3 Điều này.

d) Phần còn lại (*nếu có*) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Quyết định sử dụng lãi vay

a) Thẩm quyền quyết định sử dụng lãi vay là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, phù hợp nguồn vốn ủy thác.

b) Trước ngày 15/01 hàng năm, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm: Báo cáo phân bổ lãi cho vay thu được năm trước gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sử dụng lãi vay thu được trong năm và làm cơ sở đối chiếu, xác nhận số kinh phí phải cấp bù cả năm.

3. Nội dung và mức chi công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng

a) Chi tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết hoạt động ủy thác vốn cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TTBTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Chi công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về cho vay thực hiện theo Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

c) Chi hội nghị tập huấn nghiệp vụ hoạt động ủy thác vốn qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQHĐND; Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022.

d) Chi văn phòng phẩm, in tài liệu triển khai các nhiệm vụ liên quan hoạt động ủy thác vốn cho vay. Mức chi căn cứ vào khối lượng công việc thực tế và hóa đơn, chứng từ theo quy định.

đ) Chi kiểm tra, giám sát công tác hoạt động ủy thác vốn cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

e) Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác quản lý vốn cho vay; chủ dự án, người vay vốn sử dụng hiệu quả vốn vay. Mức chi theo quy định tại Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

f) Chi làm thêm ngoài giờ phục vụ công tác quản lý nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

Điều 8. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội từng thời kỳ.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý rủi ro

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xem xét xử lý nợ bị rủi ro đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, sau khi có ý kiến của các thành viên Ban đại diện hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các đơn vị liên quan bằng văn bản.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro

Đối với các khoản nợ vay từ nguồn vốn vay ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cấp tỉnh đã được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trích lập và quản lý theo quy định.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đề xuất gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp tỉnh chuyển qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh định kỳ báo cáo và gửi Sở Tài chính, cụ thể:

a) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác 06 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm, nhu cầu vay vốn năm sau: trước 10/7 hằng năm.

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác cả năm: trước ngày 10/01 năm sau.

c) Báo cáo phân bổ lãi thu được cả năm: trước ngày 15/01 hằng năm.

d) Các báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính.

2. Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh. Cụ thể:

a) Báo cáo 06 tháng: trước ngày 20/7 hằng năm.

b) Báo cáo năm: trước ngày 25/01 năm sau.

Điều 10. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh

a) Ký hợp đồng ủy thác với Sở Tài chính.

b) Hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, điều kiện vay vốn, định kỳ trả nợ, thu lãi, xử lý nợ đến hạn, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế địa phương. Công khai quy định về lãi suất vay của từng đối tượng được vay vốn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.

c) Xây dựng dự toán, kế hoạch phân bổ nguồn vốn vay chi tiết theo đối tượng và chương trình vay.

d) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác, cho vay đúng đối tượng, đúng quy định, đúng kế hoạch phân bổ vốn vay cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo sử dụng hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn được ủy thác quản lý.

đ) Theo dõi nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác chi tiết từng địa bàn, tổ chức thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

e) Thẩm định theo quy định hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, tổng hợp xin ý kiến thành viên Ban đại diện, các đơn vị liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro cho vay từ nguồn ngân sách cấp tỉnh ủy thác.

f) Tham mưu phát động các phong trào thi đua; ban hành các tiêu chí đánh giá thi đua cụ thể. Kết thúc các đợt thi đua, tổng hợp kết quả đề nghị Trưởng ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong quản lý và sử dụng nguồn vốn vay ủy thác từ ngân sách.

g) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác.

h) Thực hiện chế độ báo cáo, phối hợp các cơ quan liên quan theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh cho vay theo quy định.

b) Chuyển nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh theo Hợp đồng ủy thác giữa Sở Tài chính và Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

c) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác và việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này. Thực hiện việc quyết toán nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách và văn bản hướng dẫn.

d) Thực hiện chế độ báo cáo, phối hợp các cơ quan liên quan và các nhiệm vụ khác được quy định tại Quy chế này.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các chương trình, đề án về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án, lựa chọn ngành nghề, thị trường lao động với việc sử dụng vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 3 (phụ trách địa bàn Lai Châu)

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

b) Kiểm tra giám sát quản lý sử dụng nguồn vốn ủy thác và việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai chương trình mục tiêu quốc gia “Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035” với các chương trình, dự án sản xuất - kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, lựa chọn cây trồng, vật nuôi, các chương trình chuyển giao công nghệ gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

b) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan kiểm tra nguồn ngân sách cấp tỉnh ủy thác để cho vay.

6. Sở Dân tộc và tôn giáo

Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan kiểm tra nguồn ngân sách cấp tỉnh ủy thác để cho vay.

7. Công an tỉnh

Hàng năm cùng vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chủ trì rà soát, tổng hợp đối tượng vay vốn đối với người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù gửi Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh tổng hợp.

8. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo các văn bản và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng chính sách xã hội.

9. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay.

b) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn.....; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

10. Xử lý vướng mắc

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh và Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.